TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cường

Bà Trần Thị Minh Hường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Bảo S, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: số D, khóm P1, phường P2, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: số D, khóm P1, phường P2, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ liên hệ: ấp T1, xã T2, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án, Ông Hồ Bảo S trình bày:

Ông S và bà Nguyễn Thị Như Y do tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 08/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu

thuẫn do bất đồng quan điểm cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được. Ông S yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Như Y.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Phi Y, sinh ngày 12/11/2009 đang do ông S nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Như Y: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không nhận văn bản trình bày ý kiến của bà Y gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do bà Y vắng mặt không có lý do và ông S có đơn đề nghị không hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; không ai nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông S là người có quyền khởi kiện bà Y tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường P, tỉnh Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long. Bà Y được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông S và bà Y đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 08/3/2008. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của ông S, bà Y không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện chung sống với nhau. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án nhiều lần triệu tập bà Y để tham dự hòa giải, phiên tòa sơ thẩm để tạo điều kiện đoàn tụ nhưng bà Y vẫn vắng mặt thể hiện bà Y không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ với ông S. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc ly hôn với bà Y.

[3] Con chung: Ông S, bà Y có 01 con chung tên Hồ Phi Y, sinh ngày 12/11/2009. Khi ly hôn, ông S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hồ Phi Y đang do ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 29/8/2025, Hồ Phi Y trình bày có nguyện vọng tiếp tục được do ông Hồ Bảo S nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao ông S tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hồ Phi Y.

Ông S không yêu cầu bà Y cấp dưỡng con chung nên bà Y không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung Hồ Phi Y.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nợ chung: Không có.

[5] Án phí: Buộc ông S nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 186, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Bảo S.

- Ông Hồ Bảo S và bà Nguyễn Thị Như Y ly hôn với nhau.

- Về con chung: Buộc bà Nguyễn Thị Như Y giao ông Hồ Bảo S tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hồ Phi Y, sinh ngày 12/11/2009. Bà Nguyễn Thị Như Y không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng Hồ Phi Y.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Án phí: Buộc ông Hồ Bảo S nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001843 ngày 13/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên ông Hồ Bảo S không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Thi hành án dân sự: 1;
- UBND phường P, tỉnh Vĩnh Long: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân